

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **121/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 29/4/2021

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hà Thị Vinh

2. Bà Đặng Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2021/TLST-HNGĐ, ngày 18/02/2021 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/4/2021, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Lệnh Văn T, sinh năm 1986

- Bị đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1991.

Cùng trú tại: Xóm 10, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt; chị T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Lệnh Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị T đăng ký kết hôn vào ngày 12/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống chung cùng gia đình nhà anh tại xóm 10, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng anh sống hạnh phúc, hòa thuận bình thường, đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, chị T

thường xuyên chơi bời qua đêm không chăm lo con cái gia đình. Anh và chị T sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn yêu thương quý trọng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị T.

Về con chung: Anh và chị Phạm Thị T có 02 con chung là cháu Lệnh Ngọc H, sinh ngày 22/02/2013 và cháu Lệnh Việt H, sinh ngày 12/6/2015, hiện nay cả cháu H và cháu H đang ở với anh. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh xác định anh và chị T không có tài sản chung; không vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà, Anh T giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị T trốn tránh, giấu địa chỉ, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó Tòa án không lấy được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu quan điểm: Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên toà, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lệnh Văn T, xử cho anh Lệnh Văn T được ly hôn với chị Phạm Thị T. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lệnh Ngọc H, sinh ngày 22/02/2013 và cháu Lệnh Việt H, sinh ngày 12/6/2015 cho Anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nên chị T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngoài ra đại diện Viện Kiểm sát còn đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh T và chị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Kết quả xác minh xác định chị Phạm Thị T đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại xã L, huyện Y. Vì vậy, căn cứ khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Y.

[3] Chị T đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của anh Lệnh Văn T, HĐXX nhận định:

[4.1] Đối với yêu cầu xin ly hôn với chị Phạm Thị T: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của chị T xác định: Chị T và Anh T kết hôn từ năm 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã L. Sau khi kết hôn, vợ chồng Anh T sống chung cùng gia đình nhà Anh T tại xóm 10, xã L, huyện Y. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận bình thường, đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn, sống ly thân giữa Anh T và chị T là do chị T không chịu làm ăn, thường xuyên vắng nhà, vợ chồng Anh T không còn quan tâm chăm sóc đến nhau, không tồn tại một gia đình hạnh phúc. Từ năm 2018 đến nay Anh T và chị T không chung sống cùng nhau.

Bản thân Anh T xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án, chị T không có ý kiến gì, không có mặt theo yêu cầu của Tòa án để tiến hành hòa giải, điều đó cho thấy chị T cũng không mong muốn hòa giải đoàn tụ. Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa Anh T và chị T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của Anh T là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Đối với yêu cầu được giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: Anh T và chị T có 02 con chung, từ khi sống ly thân các con chung đều do Anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T giấu địa chỉ, không rõ nghề nghiệp, mức thu nhập và không có văn bản trình bày nguyện vọng nuôi con. Anh T có nguyện vọng được nuôi con, cháu Lệnh Ngọc H trên 7 tuổi có nguyện vọng được sống cùng Anh T. Vì vậy nên giao cả 02 con chung là cháu Lệnh Ngọc H, sinh ngày 22/02/2013 và cháu Lệnh Việt H, sinh ngày 12/6/2015 cho Anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Từ những căn cứ trên, HĐXX xét thấy yêu cầu nuôi con của Anh T là có căn cứ cần được chấp nhận. Do Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nên chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh T xác định không có, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị T không phải nộp án phí.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lệnh Văn T về việc *Kiện Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với chị Phạm Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Lệnh Văn T được ly hôn chị Phạm Thị T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lệnh Ngọc H, sinh ngày 22/02/2013 và cháu Lệnh Việt H, sinh ngày 12/6/2015 cho anh Lệnh Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Phạm Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Lệnh Văn T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001986 ngày 18 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Chị Phạm Thị T không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã L (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Toàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Vinh - Đặng Thị Huệ

Nguyễn Văn Toàn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND phường Tân Quang (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thủy

